

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 67/2025/HN-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Ông Trần Thanh Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa:

Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Kiều O, sinh năm 1991; địa chỉ: số D, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số D, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, nay là ấp L, xã N, tỉnh An Giang (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hữu T, sinh năm 1982; địa chỉ: số D, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, nay là ấp L, xã N, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay ấp L, xã N, tỉnh An Giang (V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều O trình bày, bà và ông T tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi nhau. Vợ chồng

không còn chung sống từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Quang C, sinh ngày 24/02/2009 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 14/12/2014, hiện con chung do bà O đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về quan hệ nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hữu T trình bày, vợ chồng ông tự tìm hiểu đi chung sống năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến 10/5/2025 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không có gì trầm trọng, do bà O tự ý bỏ nhà đi, nên vợ chồng không hàn gắn được. Nay vợ bà O yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quang C, sinh ngày 24/02/2009 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 14/12/2014, hiện con chung do bà O đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông đồng ý bà O tiếp tục nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T trình bày bà O và ông T có nợ bà Trần Thị Hồng N 03 chỉ vàng 24k.

Ngày 18/8/2025 ông T rút lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng N trình bày, bà Ngô Thị Kiều O là chị dâu và ông Trần Hữu T là anh của bà. Bà O và ông T có mượn bà số vàng 03 chỉ vàng 24k, nay bà O xin ly hôn ông T, bà không tranh chấp, không khởi kiện ông T và bà O về số nợ này, đề gia đình về thỏa thuận với nhau.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Kiều O vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Trần Hữu T, bà Trần Thị Hồng N đã được tổng đạt để tham gia phiên tòa, nhưng ông T, bà N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Kiều O xin ly hôn ông Trần Hữu T.

Về con chung: Bà Ngô Thị Kiều O được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Quang C, sinh ngày 24/02/2009 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 14/12/2014, hiện con chung do bà O đang nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về hình thức: Bà Ngô Thị Kiều O khởi kiện xin ly hôn ông Trần Hữu T có nơi cư trú ấp L, xã L (nay là xã N), tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Trần Hữu T, bà Trần Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng ông T, bà N vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N là có căn cứ

[2]- Về nội dung: Bà O và ông T sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà O yêu cầu ly hôn ông T. Ông T đồng ý ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà O và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên hàn gắn, nhưng bà O và ông T xác định tình cảm không còn nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà O với ông T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà O xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quang C, sinh ngày 24/02/2009 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 14/12/2014, hiện con chung do bà O đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý để bà O tiếp tục nuôi hai con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện nuôi dưỡng và bảo đảm sự ổn định và không làm ảnh hưởng tâm lý đối với con chung, hiện nay cháu C, cháu D đang sống ổn định và có nguyện vọng sống với mẹ và bà O cũng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung. Ông T cũng đồng ý để bà O tiếp tục nuôi con chung. Do đó yêu cầu của bà O phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà O.

Do bà O không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Bà O, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Bà O, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng N xác định bà không yêu cầu đối với số nợ của vợ chồng O, T và sẽ giải quyết trong gia đình, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến trong vụ án này.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Kiều O với ông Trần Hữu T.

2. Về quan hệ con chung: Bà Ngô Thị Kiều O được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Quang C, sinh ngày 24/02/2009 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 14/12/2014, hiện con chung do bà O đang nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà O cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà O, ông T xác định không yêu cầu giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà O, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0024768 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11).

6. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhơn Mỹ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức